

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC THÔNG TIN CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

ThS Trần Dương

Trung tâm Thông tin-Thư viện, Trường Đại học Hà Tĩnh

Tóm tắt: Năng lực thông tin ngày càng trở nên quan trọng đối với sinh viên đại học. Bài viết khảo sát thực trạng trình độ năng lực thông tin và đưa ra một số giải pháp nâng cao năng lực thông tin cho sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh.

Từ khóa: Năng lực thông tin; sinh viên.

Information literacy improvement for students at Ha Tinh University

Abstract: As information literacy becomes more important for university students, the article analyzes the current information literacy of students at Ha Tinh University and recommends some solutions to improve their skills.

Keywords: Information literacy; students.

Đặt vấn đề

Năng lực thông tin (NLTT) là một trong những kiến thức và kỹ năng then chốt, cần thiết trong việc nghiên cứu bất kỳ lĩnh vực nào. Đó là điều kiện tiên quyết cho việc học tập suốt đời và cho phép người học tham gia một cách chủ động và có phê phán vào nội dung học tập và mở rộng việc nghiên cứu, trở thành người có khả năng tự định hướng, tự kiểm soát tốt hơn quá trình học của mình. Khi mà các trường đại học ngày càng có xu hướng lồng ghép việc phát triển và đánh giá các kỹ năng này vào việc đào tạo ở bậc đại học, là cơ sở quan trọng cho việc phát triển các kỹ năng khác. NLTT đã nổi lên như một vấn đề quan trọng trong việc đào tạo sinh viên, đặc biệt là cho những người đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau [Vũ Thị Nha, 2007]. Ngày nay, NLTT không chỉ là vấn đề riêng của ngành TT-TV, mà đã trở thành vấn đề cấp thiết của thế kỷ 21, và đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực giáo dục đại học. Có thể khái quát rằng NLTT giúp chúng ta có khả năng tốt hơn để

nhận biết nhu cầu thông tin, khai thác và sử dụng thông tin một cách hiệu quả.

1. Khái niệm năng lực thông tin

NLTT là một khái niệm được định nghĩa khác nhau và còn mới mẻ trong giáo dục nói chung và ngành TT-TV nói riêng tại Việt Nam. Hiện nay, có nhiều định nghĩa khác nhau về NLTT. Theo UNESCO (2005): “Năng lực thông tin là sự kết hợp của kiến thức, hiểu biết, các kỹ năng và thái độ mà mỗi thành viên cần hội tụ đầy đủ trong xã hội thông tin. Mỗi khi cá nhân có năng lực thì họ sẽ phát triển khả năng lựa chọn, đánh giá, sử dụng và trình bày thông tin một cách hiệu quả”. Điều này có nghĩa là người có NLTT phải sử dụng thông tin một cách đạo đức. Việc truy cập, sử dụng và phổ biến thông tin phải phù hợp với pháp luật. Theo Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ ALA (2000): “Năng lực thông tin là khả năng nhận biết nhu cầu thông tin của bản thân, cũng như khả năng định vị, đánh giá và sử dụng hiệu quả thông tin tìm được”.

Viện NLTT Úc và New Zealand thì cho rằng, một người có NLTT là người có khả năng [BundyAlan. Ed., 2004]: Nhận dạng được nhu cầu tin của bản thân; Xác định được phạm vi của thông tin mà mình cần; Thẩm định thông tin và nguồn của chúng một cách tích cực và hiệu quả; Phân loại, lưu trữ, vận dụng và tái tạo nguồn thông tin được thu thập hay tạo ra; Biến nguồn thông tin được lựa chọn thành cơ sở tri thức; Sử dụng thông tin vào việc học tập, tạo tri thức mới, giải quyết vấn đề, và ra quyết định một cách có hiệu quả; Truy cập và sử dụng các nguồn thông tin hợp pháp và hợp đạo đức; Sử dụng thông tin và tri thức để thực hiện các quyền công dân và trách nhiệm xã hội; Trải nghiệm năng lực thông tin như một phần của học tập độc lập cũng như tự học suốt đời.

NLTT trong tiếng Việt đôi khi còn được gọi là kỹ năng thông tin, hiểu biết thông tin, kiến thức thông tin. Trong bài viết này chúng tôi xem năng lực thông tin mang tính kỹ năng thực hành nhiều hơn kiến thức. Năng lực thông tin ở đây bao gồm kiến thức (về khai thác, sử dụng, chia sẻ) thông tin + kỹ năng thông tin + thái độ, đạo đức trong tiếp cận, sử dụng thông tin. Qua tìm hiểu các tài liệu liên quan, chúng ta có thể thấy rằng hầu hết các tác giả

đều có một điểm chung là xem NLTT là khả năng nhận biết nhu cầu thông tin, khả năng định vị, tìm kiếm, đánh giá, sử dụng thông tin cũng như thái độ sẵn sàng chia sẻ thông tin với mọi người.

2. Thực trạng năng lực thông tin của sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh

Nhằm phát triển NLTT cho sinh viên Trường ĐHTT bằng việc đổi mới chương trình và nội dung NLTT trong thời gian tới, chúng tôi tiến hành khảo sát, phân tích thực trạng NLTT sinh viên của Trường thông qua hệ thống câu hỏi được chuẩn bị trên phiếu điều tra. Tổng số phiếu phát ra là 300 phiếu, thu về 300 phiếu (100%). Sinh viên chúng tôi chọn phát phiếu điều tra mang tính đại diện của mẫu khảo sát.

Thực trạng NLTT của sinh viên được chúng tôi khảo sát thông qua một số kiến thức và kỹ năng cơ bản sau:

2.1. Kiến thức chung về năng lực thông tin

- Nhận thức của sinh viên về khái niệm năng lực thông tin

Qua kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy chỉ có 78% hiểu đúng khái niệm NLTT.

Bảng 1. Nhận thức của sinh viên về năng lực thông tin

Năng lực thông tin là	Số lượng	Tỷ lệ %	Năng lực thông tin là	Số lượng	Tỷ lệ %
Kỹ năng sử dụng máy tính	30	10	Kỹ năng chia sẻ thông tin	4	1,3
Kỹ năng sử dụng thư viện	9	3,0	Kỹ năng xác định nhu cầu tin	0	0
Kỹ năng tìm tin	12	4,0	Kỹ năng tìm kiếm thông tin	11	3,7
Kỹ năng nhận biết, xác định, khai thác, sử dụng thông tin, chia sẻ thông tin	234	78	Kỹ năng đánh giá thông tin	0	0

- Nhận thức của sinh viên về các khóa học năng lực thông tin

Qua Bảng 2, thống kê kết quả cho thấy, nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của đào tạo NLTT là khá cao (289 sinh viên-

chiếm 96,3%), tức là các em nhận thức được tầm quan trọng của NLTT. Có rất ít sinh viên trả lời không cần tổ chức một khóa học độc lập về NLTT, con số này là 11 sinh viên chiếm 3,7%. Giữa nhận thức của sinh viên và thực hành vẫn còn có khoảng cách.

Bảng 2. Tỷ lệ sinh viên đã tham gia khóa đào tạo năng lực thông tin

Bạn đã tham gia khóa đào tạo năng lực thông tin nào chưa?	Số lượng	Tỷ lệ %
Đã tham gia	101	34
Chưa tham gia	199	66
Theo bạn, có nên tổ chức một khóa học độc lập về NLTT	Số lượng	Tỷ lệ %
Nên tổ chức một khóa học độc lập về NLTT	289	96,3
Không nên tổ chức một khóa học độc lập về NLTT	11	3,7

Nội dung mà sinh viên đã tham gia trong khóa đào tạo NLTT thông qua Bảng 3 cho chúng ta thấy, trong 101 sinh viên tham đào tạo NLTT, họ quan tâm nhiều nhất đến kỹ năng tra cứu thông tin. Điều đó thể hiện: 84% sinh viên có nhu cầu học về kỹ năng tìm kiếm thông tin trên Internet; 54,4% sinh viên quan tâm đến kỹ năng tìm kiếm thông tin trong thư viện. Nhóm kỹ năng sử dụng và đánh giá thông tin được sinh viên quan tâm ít hơn. Cụ

thể: 46,5% sinh viên quan tâm học kỹ năng trích dẫn tài liệu tham khảo; 42,6% sinh viên có nhu cầu học về kỹ năng đánh giá thông tin. Như vậy, qua số liệu khảo sát khẳng định rằng nhu cầu về kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng Internet được sinh viên của Trường quan tâm nhiều hơn, điều này phù hợp với mức độ thường xuyên sử dụng máy tìm (google, yahoo) để tìm kiếm thông tin 68,7% (Bảng 5).

Bảng 3. Tỷ lệ sinh viên đã học các kỹ năng trong khóa học năng lực thông tin

Nội dung khóa học	Số lượng	Tỷ lệ %
Kỹ năng tìm kiếm thông tin trong thư viện	55	54,4
Kỹ năng tìm kiếm thông tin trên Internet	85	84
Kỹ năng trích dẫn tài liệu tham khảo	47	46,5
Kỹ năng đánh giá thông tin	43	42,6

- Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của các kỹ năng thông tin

Với câu hỏi “Theo bạn những kỹ năng nào sau đây là quan trọng để giúp bạn học tập và

nghiên cứu”, kết quả khảo sát ở Bảng 4 cho thấy nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của các kỹ năng thông tin còn nhiều hạn chế.

Bảng 4. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của các kỹ năng thông tin

Kỹ năng thông tin	Số lượng	Tỷ lệ %	Kỹ năng thông tin	Số lượng	Tỷ lệ %
Tìm và đánh giá thông tin trên Internet	174	58	Đọc tài liệu	167	56
Tìm tài liệu trong kho tự chọn của thư viện	94	31	Trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo	65	22
Sử dụng tài liệu tra cứu	189	63	Trình bày thông tin	73	24

2.2. Kỹ năng tìm kiếm và đánh giá thông tin

- Định vị thông tin

Khi đã nhận dạng được nhu cầu tin, bước tiếp đến, sinh viên phải biết cách định vị thông tin. Mỗi sinh viên, tùy thuộc vào nhu cầu cụ thể cần khai thác, sử dụng những thông tin xác định. Hiện nay, sinh viên nói chung và sinh viên Trường ĐHHT nói riêng thường tìm kiếm tài liệu, thông tin ở trong thư viện và mạng

Internet để phục vụ học tập và nghiên cứu. Xu hướng sử dụng nguồn thông tin điện tử và tra cứu thông tin của sinh viên trên Internet chiếm ưu thế. Kết quả khảo sát từ Bảng 5 chứng tỏ rằng sinh viên Trường ĐHHT đã có thói quen sử dụng Internet tương đối lớn, với 68,7% sinh viên sử dụng máy tìm. Đây là điều phản ánh đúng với xu thế của thời đại Internet.

Bảng 5. Mức độ sử dụng các công cụ tìm kiếm thông tin của sinh viên

Mức độ sử dụng công cụ tìm kiếm thông tin		Số lượng	Tỷ lệ %
Sử dụng CSDL hoặc bộ phiếu mục lục của Thư viện để tìm kiếm thông tin	Thường xuyên	31	10,3
	Thỉnh thoảng	170	56,7
	Chưa	99	33
Sử dụng máy tìm (google, yahoo)	Thường xuyên	206	68,7
	Thỉnh thoảng	92	30,7
	Chưa	2	0,6
Bạn sẽ tìm tài liệu bằng công cụ nào?	Mục lục Thư viện hoặc OPAC	121	40,3
	Cơ sở dữ liệu bài trích báo, tạp chí	46	15,3
	Máy tìm tin (google hoặc yahoo)	196	65,3
	Thư mục chủ đề	63	21

- Đánh giá thông tin

Kết quả khảo sát ở Bảng 6 cho thấy, hầu hết sinh viên đã lựa chọn một trong sáu tiêu chí trên nhưng với tỷ lệ thấp và chênh lệch giữa các yếu tố. Chỉ có hai yếu tố là tính minh bạch của thông tin và độ sâu thông tin được hơn 50% sinh viên lựa chọn, còn bốn tiêu chí còn lại có tỷ lệ sinh viên lựa chọn rất thấp. Một điều đặc biệt là, có tới 73% sinh viên lựa chọn

tính minh bạch của thông tin (ghi rõ tác giả, nhà xuất bản, thời gian cập nhật hoặc xuất bản, trích dẫn,...) điều này cho thấy nhiều sinh viên đã hiểu đúng đây là một yếu tố cung cấp những thông tin tốt về chất lượng của một tài liệu và có 14% sinh viên chọn yếu tố nhan đề tài liệu, điều này chứng tỏ sinh viên được khảo sát rất quan tâm đến chất lượng thông tin của tài liệu vì “nhan đề tài liệu” là yếu tố chưa phản ánh đầy đủ thông tin của một tài liệu.

Bảng 6. Cách thức sinh viên đánh giá chất lượng tài liệu

Các yếu tố đánh giá thông tin	Số lượng	Tỷ lệ %	Các yếu tố đánh giá thông tin	Số lượng	Tỷ lệ %
Tính minh bạch của thông tin	218	73	Lượng thông tin	108	36
Uy tín của tác giả trong cộng đồng khoa học	110	37	Độ sâu thông tin	158	53
Nhan đề	42	14	Tính logic	126	42

2.3. Kỹ năng sử dụng và trình bày thông tin

- Kỹ năng sử dụng thông tin

+ Trích dẫn tài liệu tham khảo:

Kết quả khảo sát từ Bảng 7 cho thấy: Việc trích dẫn tài liệu tham khảo là việc làm bắt buộc đảm bảo bản quyền của tác giả đồng thời tăng độ tin cậy của bài viết, song chưa được sinh viên hiểu và quan tâm đúng mức.

Bảng 7. Mức độ quan tâm đến nguồn gốc thông tin khi trích dẫn

Khi viết bài, bạn có chú ý ghi rõ nguồn gốc thông tin được trích dẫn?	Số lượng	Tỷ lệ %
Rất chú ý	187	62,3
Ít chú ý	99	33
Không chú ý	14	4,7

Kết quả khảo sát được thống kê ở Bảng 8 cho thấy, với câu hỏi này cả ba đáp án tác giả đưa ra đều yêu cầu sinh viên phải trích dẫn tài liệu tham khảo, nhưng với kết quả trên đã phản ánh việc hiểu biết về trích dẫn tài liệu tham

khảo của sinh viên Trường ĐHHT là chưa cao, mới hơn một nửa sinh viên khảo sát hiểu được quy định về trích dẫn tài liệu và sự cần thiết của việc trích dẫn tài liệu vào bài viết của mình.

Bảng 8. Hiểu biết về các trường hợp trích dẫn tài liệu tham khảo

Trường hợp trích dẫn	Số lượng	Tỷ lệ %
Chép nguyên văn câu từ tài liệu khác	187	49,3
Ghi lại số liệu thống kê từ tài liệu khác	160	53,3
Lấy ý tưởng của người khác và diễn đạt bằng lời của mình	157	52,3

+ Hiểu biết về bản quyền và sở hữu trí tuệ:

Phân tích số liệu khảo sát sinh viên Trường ĐHHT cho thấy, hiểu biết của họ về bản quyền tác giả còn hạn chế, chỉ hơn một nửa sinh viên

được hỏi chọn đúng đáp án, chỉ có hơn 2/3 (65%) sinh viên nhận định đúng và hiểu biết về bản quyền của của tác giả (Bảng 9).

Bảng 9. Sinh viên nhận thức về việc vi phạm bản quyền

Nhận thức về việc vi phạm bản quyền	Số lượng	Tỷ lệ %	
Photocopy một cuốn sách có bản quyền mà không xin phép tác giả	Bình thường	137	45,6
	Vi phạm bản quyền	163	54,4
Phát tán cho bạn bè một phần mềm có bản quyền	Bình thường	105	35
	Vi phạm bản quyền	195	65

- Kỹ năng trình bày thông tin

Qua thống kê kết quả khảo sát ở Bảng 10 chúng tôi thấy việc sử dụng tài liệu tham khảo còn thấp.

Với câu hỏi “Khi tổ chức danh mục tài liệu tham khảo bạn thường sắp xếp như thế nào?”, qua khảo sát chúng ta thấy sinh viên

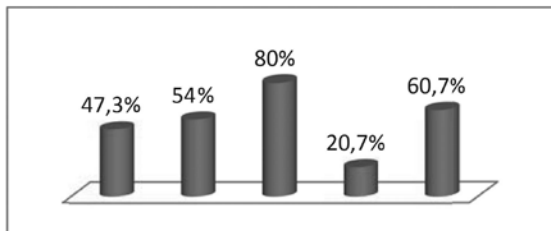
chưa quan tâm đến việc tổ chức danh mục tài liệu tham khảo trong công trình nghiên cứu của mình.

Theo kết quả khảo sát: 23% danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp theo chữ cái tên tài liệu; 31% - theo vần chữ cái tên tác giả; 40% - theo chủ đề tài liệu; 6% - theo thời gian xuất bản tài liệu.

Bảng 10. Mức độ sử dụng tài liệu tham khảo của sinh viên

Sử dụng tài liệu tham khảo	Số lượng	Tỷ lệ
Thường xuyên	97	32,3
Thỉnh thoảng	191	63,7
Chưa	12	4

2.4. Chia sẻ thông tin



Biểu đồ 1. Các phương thức chia sẻ thông tin của sinh viên

Với câu hỏi “Bạn thường chia sẻ thông tin với người khác như thế nào?”, kết quả cho thấy: 47,3% trao đổi thông tin trực tiếp; 54% trao đổi thông tin qua mail; 80% trao đổi thông tin qua mạng xã hội; 20,7% trao đổi thông tin qua sách báo; 60,7% trao đổi thông tin qua điện thoại (Biểu đồ 1). Điều này cho thấy hiện nay sinh viên có xu hướng trao đổi thông tin với người khác qua mạng xã hội: facebook, youtube, blog,... (80% sinh viên trả lời), tiếp đến là điện thoại (60,7%). Trên thực tế đây là hai công cụ được sinh viên sử dụng nhiều nhất hàng ngày để giao tiếp và chia sẻ thông tin. Mạng xã hội là công cụ chia sẻ thông tin được nhiều sinh viên lựa chọn nhất.

3. Giải pháp phát triển năng lực thông tin cho sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh

3.1. Nâng cao nhận thức về vai trò của năng lực thông tin

- Đối với sinh viên

Đối với sinh viên, ngay từ khi học năm thứ nhất cần phải làm cho họ nhận thức được sự cần thiết phải trang bị NLTT cho mình, bởi vì NLTT chính là chìa khóa quan trọng trong học tập và nghiên cứu khoa học.

Không còn nghi ngờ gì nữa, năng lực thông tin chính là chìa khóa để mọi người nói chung và các sinh viên nói riêng làm chủ được kho tàng tri thức của nhân loại. Sự bùng nổ thông tin hiện nay đã khiến cho thế giới thông tin trở nên phức tạp và hỗn loạn. Làm thế nào để tìm ĐÚNG, tìm ĐỦ những thông tin mà mình cần, đồng thời sử dụng chúng một cách HIỆU QUẢ? Không khó để trả lời nếu như chúng ta có sự hiểu biết sâu sắc về NLTT. Hình thành NLTT cho sinh viên là con đường để hướng tới mục tiêu xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Nâng cao nhận thức về vai trò của NLTT cho sinh viên là việc làm thường xuyên, Trung tâm TT-TV phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và giảng viên của các khoa bằng nhiều hình thức thiết thực để sinh viên thấy được

sự cần thiết phải trang bị NLTT cho mình để làm hành trang sau này lập thân, lập nghiệp.

- Đối với cán bộ thư viện

Nâng cao NLTT cho sinh viên cần có nhận thức đúng và khoa học về công việc này, vì NLTT là một vấn đề khá mới ở giáo dục đại học Việt Nam. Đối với Trường ĐHTT, thì cán bộ thư viện (CBTV) phải nhận thức được đây là công việc chính của mình, từ đó có kế hoạch cụ thể để nâng cao NLTT cho sinh viên. CBTV phải là nhà tổ chức, thiết kế và tham mưu cả chương trình cụ thể về nâng cao NLTT cho sinh viên. Do đó, đòi hỏi mỗi CBTV phải là chuyên gia về NLTT, CBTV phải nhận thức được như vậy để tự hoàn thiện mình, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Đối với giảng viên

Các giảng viên cần nhận thức rõ việc trang bị NLTT cho sinh viên là việc làm bắt buộc đòi hỏi có sự phối hợp đồng bộ trong đó giảng viên đóng vai trò quan trọng trong từng chuyên ngành cụ thể.

Đặc biệt, các chuyên gia giúp giảng viên trong việc thiết kế chương trình và nội dung NLTT, cũng như lồng ghép NLTT vào các môn học, nhất là các môn học chuyên ngành. định vị, tìm kiếm, đánh giá, sử dụng thông tin.

- Đối với lãnh đạo

NLTT là một yêu cầu không thể thiếu đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học để có thể lập thân, lập nghiệp, học tập suốt đời. Vì vậy, lãnh đạo nhà trường nhận thấy sự cần thiết của việc tích hợp vào chương trình đào tạo kiến thức và kỹ năng về NLTT cho sinh viên và đưa vào chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo.

Lãnh đạo nhà trường giao cho CBTV chủ trì việc nâng cao NLTT cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho CBTV hoàn thành nhiệm vụ.

3.2. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng chương trình và nội dung nâng cao năng lực thông tin

- Lồng ghép năng lực thông tin vào chương

trình giảng dạy

NLTT sẽ là một trong những giá trị tạo nên lợi thế cạnh tranh của người học sau khi tốt nghiệp. Giảng viên giảng dạy, CBTV và những người làm công tác tư vấn kỹ năng học tập phối hợp với nhau để đảm bảo rằng sự lồng ghép NLTT vào các bài giảng và các buổi tư vấn được nhuần nhuyễn. Trong các bài giảng của mình, giảng viên sẽ giới thiệu CBTV và những người làm công tác tư vấn kỹ năng học tập với sinh viên với tư cách là một phần của đội ngũ giảng dạy. Đồng thời, trong tài liệu giới thiệu về môn học, sẽ có một vài trang được dành cho việc giải thích việc lồng ghép NLTT và kỹ năng suy nghĩ có phản ánh trong môn học. Mối quan hệ khăng khít này của đội ngũ giảng dạy là bằng chứng đối với sinh viên và là mô hình cho họ trong việc lồng ghép các kỹ năng NLTT. Sự lồng ghép các kỹ năng và nội dung cùng với mối quan hệ hợp tác sẽ giúp sinh viên hiểu sự phức tạp của NLTT (NLTT không chỉ đơn giản là sử dụng thư viện và máy tính). Nó giúp khẳng định NLTT liên quan đến những việc như giám sát, chẩn đoán, phân tích, tổng hợp, và giao tiếp. Nó cũng thể hiện rằng CBTV và những người làm công tác tư vấn kỹ năng học tập có vai trò như một giảng viên thứ hai trong môn học, họ có nhiệm vụ hỗ trợ sinh viên trong những vấn đề này trong quá trình nghiên cứu, phân tích có phê phán và phản ánh của sinh viên [Vũ Thị Nha, 2007].

- Nâng cấp chương trình và nội dung giảng dạy năng lực thông tin

Hàng năm, khi sinh viên khóa mới nhập học, trong chương trình “Tuần sinh hoạt công dân” đầu năm học của Trường, Trung tâm TT-TV có “hướng dẫn sử dụng thư viện” với thời gian 3 tiết học. Nhìn chung chương trình và nội dung NLTT còn đơn giản, chủ yếu mang tính chất giới thiệu lý thuyết, chưa hiệu quả. Sau khi tìm hiểu nhu cầu của người dùng tin và xác định được các nguồn lực sẵn có, cùng với tham khảo chương trình và nội dung NLTT của một số trường đại học ở Việt Nam [Dương Thúy Hương, 2011; Huỳnh Thị Trúc Phương, 2011; Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2011], tác giả bài viết đề xuất xây dựng kế hoạch tổng thể chương trình

và nội dung phát triển NLTT cho sinh Trường ĐHHT với 4 mức độ khác nhau: Hướng dẫn sử dụng và tìm tin tại Trung tâm TT-TV; Kỹ năng thông tin tra cứu tìm kiếm thông tin trên Internet; Kỹ năng tra cứu tìm kiếm thông tin trong các CSDL trực tuyến; Kỹ năng thông tin và thông tin chuyên ngành.

Ngoài việc xây dựng chương trình và nội dung NLTT, Trung tâm TT-TV cần đa dạng hóa các hình thức phát triển NLTT khác như: Biên soạn tài liệu hướng dẫn NLTT phát cho sinh viên; tuyên truyền giới thiệu thư viện và các sản phẩm thông tin; đào tạo NLTT trực tuyến cho sinh viên thông qua cổng thông tin.

- *Tập trung hướng dẫn các kỹ năng thông tin cho sinh viên*

Để giúp sinh viên tiếp cận, hiểu biết NLTT và sử dụng kỹ năng NLTT một cách hiệu quả, cán bộ giảng dạy phải tập trung đào tạo NDT, hướng dẫn cho họ các kỹ năng thông tin: Xác định nhu cầu tin; xác định nguồn tìm và xây dựng chiến lược tìm; đánh giá, lựa chọn thông tin; tổ chức sử dụng, chia sẻ thông tin.

- *Đào tạo năng lực thông tin cho sinh viên*

Trong phát triển năng lực thông tin, thư viện đại học là một kênh thông tin quan trọng, là yếu tố quan trọng để phát triển NLTT cho sinh viên. Thư viện có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc dạy NLTT cho mọi người và sinh viên có kỹ năng tự tìm kiếm tri thức khi họ đang làm nhiệm vụ được giao trên lớp [Vũ Dương Thúy Nga, 2012].

- *Đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ thông tin*

Đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ thông tin có mối liên hệ và có vai trò đối với phát triển NLTT:

+ Là cơ sở, công cụ, phương tiện, là nguồn lực thông tin để các cơ quan thông tin triển khai phổ biến NLTT đến người dùng tin.

+ Nâng cao năng lực khai thác thông tin và thỏa mãn nhu cầu của người dùng tin khi triển khai NLTT cho sinh viên.

+ Sản phẩm và dịch vụ thông tin là cầu nối giữa cơ quan TT-TV và người dùng tin, là môi trường thuận lợi để triển khai đào tạo NLTT

cho sinh viên.

Trong giai đoạn tới, để phát triển NLTT cho sinh viên, Trung tâm TT-TV Trường ĐHHT cần phát triển thêm các sản phẩm và dịch vụ thông tin, cụ thể:

+ Sản phẩm thông tin: Biên soạn tạp chí tóm tắt; tổng luận khoa học; tạo lập các CSDL toàn văn.

+ Dịch vụ thông tin: Dịch vụ phổ biến thông tin chọn lọc; dịch vụ dịch thuật; dịch vụ cho mượn liên thư viện; tăng cường các dịch vụ triển lãm, hội nghị, hội thảo.

- *Đẩy mạnh công tác marketing trong thư viện*

Để thực hiện nhiệm vụ này cần phải có bộ phận phụ trách cũng như người phụ trách marketing thư viện. Thông qua việc marketing nhằm mở rộng và tạo mối quan hệ giữa thư viện với người dùng tin, giữa CBTV với người dùng tin. Cũng thông qua hoạt động này công tác phát triển NLTT cho sinh viên trở nên đa dạng và hiệu quả hơn.

3.3. Tăng cường vai trò của các bên liên quan đối với phát triển năng lực thông tin

- *Tăng cường vai trò của giảng viên*

Giảng viên có trách nhiệm trong việc trang bị NLTT có liên quan đến phân tích, tổng hợp thông tin, rèn luyện tư duy biện chứng, khả năng học tập độc lập cũng như làm việc nhóm cho sinh viên.

Phối hợp với CBTV trong việc chia sẻ mục tiêu phát triển NLTT cho sinh viên. Chủ động tích hợp NLTT và các môn học mà mình phụ trách. Giới thiệu các nguồn học liệu tham khảo có trong Thư viện liên quan đến bài giảng cho sinh viên. Với vai trò là giảng viên đồng thời cũng là cố vấn học tập giúp sinh viên tiếp cận được với nguồn thông tin có trong Trung tâm TT-TV và ngoài thư viện.

- *Tăng cường vai trò của lãnh đạo*

Phát triển NLTT là trách nhiệm của tất cả các bộ phận trong giáo dục đại học [Nghiêm Xuân Huy, 2011]:

+ Lãnh đạo Nhà trường: Là những người trực tiếp triển khai các chiến lược, chính sách

phát triển giáo dục đại học và triển khai hoạt động đào tạo của Nhà trường. Căn cứ vào điều kiện, mục tiêu, sứ mệnh đào tạo của Nhà trường để đưa ra các chính sách phù hợp trong phát triển NLTT. Đưa NLTT vào chương trình đào tạo cụ thể, điều chỉnh thời lượng và giảng viên cho từng nội dung môn học. Đặc biệt, chú trọng vào đào tạo NLTT chuyên ngành cho sinh viên của các khoa chuyên ngành.

+ Lãnh đạo phòng đào tạo: Phòng đào tạo có vai trò xây dựng chương trình đào tạo, đồng thời tham mưu cho Ban Giám hiệu ban hành các quy chế, quy định, mục tiêu đào tạo. Vì vậy, phòng đào tạo có có nhiệm vụ phối hợp với các khoa để xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo trong đó đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp có các kỹ năng như: NLTT, kỹ năng mềm ngoài kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Phòng đào tạo yêu cầu các khoa, bộ môn mỗi giảng viên cần tích hợp NLTT vào các môn học; tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, học dựa trên nguồn lực thông tin nhằm phát huy vai trò chủ động của sinh viên.

+ Lãnh đạo khoa, tổ bộ môn: Để triển khai phát triển NLTT cho sinh viên có hiệu quả, khoa và tổ bộ môn có nhiệm vụ phối hợp với phòng đào tạo và Trung tâm TT-TV để xây dựng chương trình và nội dung cụ thể về NLTT tổng thể trong toàn trường cho sinh viên bao gồm việc xác định mục tiêu, nội dung và phương thức đào tạo. Hướng dẫn phương pháp tích hợp NLTT vào mục tiêu mỗi môn học, trong các tình huống trên lớp, trong việc thiết kế bài tập, bài kiểm tra.

+ Lãnh đạo Trung tâm TT-TV: Lãnh đạo Trung tâm TT-TV tham mưu cho Ban Giám hiệu về xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển các hoạt động TT-TV trong đó có vấn đề phát triển NLTT cho sinh viên. Lãnh đạo thư viện với vai trò là người tiên phong trong phát triển NLTT cho sinh viên. Vì vậy, họ chính là người chủ động tư vấn, đề xuất và giúp lãnh đạo trường xây dựng chính sách, chiến lược phát triển NLTT cho sinh viên; quảng bá, tuyên truyền hoạt động thư viện, phát triển NLTT đến với lãnh đạo các đơn vị, cán bộ, giảng viên, sinh viên; phối hợp với các bên

liên quan như các khoa và bộ môn, phòng đào tạo, trung tâm CNTT xây dựng chương trình và nội dung NLTT phù hợp cho sinh viên từ năm thứ nhất đến năm cuối.

- Tăng cường vai trò của thư viện

Xây dựng chương trình và nội dung đào tạo NLTT mang tính nhất quán, liên tục, phù hợp với các đối tượng người dùng tin của Trường bao gồm những hướng dẫn chung và những hướng dẫn gắn liền với các dịch vụ cụ thể.

Trao đổi, hợp tác giữa các khoa, tạo nên sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên với CBTV, giữa giảng viên với sinh viên trong việc đào tạo và phát triển NLTT.

Khuyến khích đội ngũ CBTV- nhất là số cán bộ có trình độ cao, trực tiếp giảng dạy NLTT, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với CBTV theo các văn bản đã ban hành để họ yên tâm công tác.

3.4. Nâng cao trình độ cán bộ thư viện

- Trang bị kỹ năng cần thiết cho cán bộ thư viện

+ Kỹ năng về chuyên môn và nghiệp vụ: Hiểu biết về người dùng tin; hiểu biết về vị trí của nghề thông tin; xác định và đánh giá các nguồn lực thông tin; quản lý nguồn lực thông tin và kho tài liệu; phân tích và trình bày thông tin; lưu trữ thông tin và tổ chức bộ máy tra cứu; tìm tin và phổ biến thông tin.

+ Các kỹ năng hỗ trợ khác: Kỹ năng về công nghệ; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình, trình bày; kỹ năng xử lý tình huống; kỹ năng quản lý; kỹ năng học tập suốt đời; kỹ năng ngoại ngữ.

- Tập huấn năng lực thông tin cho cán bộ thư viện

Cán bộ thư viện ngày nay không chỉ là một thủ thư mà còn mang thêm trọng trách là người giảng dạy. Hơn thế, cán bộ giảng dạy NLTT cần đáp ứng thêm một yêu cầu nữa là thông thạo NLTT. Người CBTV cần hội đủ ba yếu tố: là người thông thạo NLTT, là CBTV và là giáo viên. Để trở thành một CBTV giảng dạy NLTT tốt họ cần được tập huấn xây dựng chương trình đào tạo NLTT cho sinh viên với các mục tiêu [Thư viện Trung tâm Đại học

Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2011]: Xác định nhu cầu của sinh viên; mô tả và phân tích các nguồn lực sẵn có; xây dựng mục đích và các mục tiêu đào tạo; xây dựng các phương pháp và tài liệu phù hợp; thực hiện đào tạo; đánh giá, kiểm tra và điều chỉnh.

- Xây dựng mối liên hệ giữa cán bộ thư viện với giảng viên

Với giảng viên, họ cần phải nhận thức được muốn nâng cao chất lượng giảng dạy cần phải thay đổi phương pháp giảng dạy truyền thống bằng phương pháp giảng dạy mới, mà ở đó phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo của sinh viên. Đồng thời, họ cần phải hiểu được sinh viên có NLTT sẽ thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, sử dụng và sáng tạo tri thức, góp phần nâng cao hiệu quả học tập của các sinh viên. Phối hợp với giảng viên để nắm bắt được nhu cầu thông tin của sinh viên và có hành động cụ thể để định hướng, hướng dẫn sinh viên thỏa mãn được những nhu cầu thông tin đó.

Như vậy, việc nâng cao nhận thức về vai trò của NLTT trong Nhà trường, việc phối hợp giữa giảng viên và CBTV là điều rất cần thiết, nó sẽ là tiền đề để phát triển NLTT cho sinh viên được thuận lợi hơn.

Kết luận

Trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, việc trang bị NLTT cho sinh viên trong quá trình đào tạo ở trường đại học có ý nghĩa then chốt, bởi vì NLTT chính là chìa khóa quan trọng mở ra những cơ hội tri thức và nghề nghiệp cho mỗi cá nhân, góp phần thúc đẩy sự phát triển khoa học, công nghệ và giáo dục của đất nước, đồng thời tạo nền tảng cho mỗi cá nhân có cơ hội để học tập suốt đời.

Điều mà chúng ta cần làm là trang bị cho sinh viên tốt nghiệp những kỹ năng và kiến thức để làm chủ thế giới thông tin. Tức là giúp họ rèn luyện kỹ năng nhận dạng nhu cầu thông tin bản thân, định vị nguồn thông tin phù hợp với những nhu cầu đó, tổ chức nguồn thông tin tìm được một cách hợp lý, thẩm định nguồn thông tin đã được lựa chọn, và sử dụng thông tin đó một cách hiệu quả và hợp pháp.

Việc xây dựng một chương trình đào tạo NLTT mang tính nhất quán, liên tục và phù hợp với tất cả các đối tượng người dùng tin của Trường ĐHTT là điều rất cần thiết trong lộ trình tin chỉ hóa và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Trong thời gian tới, bên cạnh việc phát triển nguồn lực thông tin, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm và dịch vụ, marketing hoạt động TT-TV, Trung tâm TT-TV cần đẩy mạnh các giải pháp đồng bộ và khả thi mà tác giả bài viết đã đề ra để phát triển NLTT cho sinh viên Trường ĐHTT, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ALA (2000). Information Literacy Competency Standards for Higher Education. Chicago: American Library Association. 16p.
2. Bundy, Alan. ed (2004). Australian and New Zealand Information Literacy Framework: principles, standards and practice, 2nd ed, Adelaide: Australian and New Zealand Institute for Information Literacy. 48 p.
3. Dương Thúy Hương (2011). Chương trình kiến thức thông tin của Thư viện Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM". Bản tin Thư viện - Công nghệ Thông tin, Số 6, tr. 25 - 27.
4. Huỳnh Thị Trúc Phương (2011). Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo kỹ năng thông tin cho độc giả tại Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Thư viện Việt Nam, Số 3 (29), tr. 12 -19.
5. Nghiêm Xuân Huy (2011). Chỉ dẫn triển khai tối ưu việc phát triển kiến thức thông tin tại các Trường ĐH Australia. Truy cập từ <http://infolit.vietnamlib.net/?p=206> ngày 26 tháng 03 năm 2016.
6. Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (2011). Kỹ yếu hội thảo - Tập Huấn: Nâng cao nội dung và phương pháp thực hiện các khóa huấn luyện kỹ năng thông tin cho độc giả. TP. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. 114 tr.
7. UNESCO (2005). Development of Information Literacy through School Libraries in South-East Asian Countries (IFAP Project 461RAS5027). Bangkok: Unesco. 12p.
8. Vũ Dương Thúy Nga (2012). Thư viện đại học với việc trang bị kiến thức thông tin cho sinh viên: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra. Tạp chí Thư viện Việt Nam, Số 5 (37), tr. 7-11.
9. Vũ Thị Nha (lược dịch) (2007). Lồng ghép kiến thức thông tin vào môn học ở bậc học đại học thông qua mối quan hệ giữa thư viện và giảng viên. Tạp chí Thư viện Việt Nam, Số 3 (11), tr. 49 - 58.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 9-3-2017; Ngày phản biện đánh giá: 6-5-2017; Ngày chấp nhận đăng: 28-6-2017).